TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07 /2017/DS-PT
Ngày 28-11-2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thường

Các Thẩm phán: Bà Hồ Tuấn Anh

Bà Nguyễn Thúy Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Ánh Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2017/TLPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS- ST ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 26/2017/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T; cư trú tại: Xóm T, khu vực A, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định; có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Ông Lý Hiếu N; có mặt.

2. Bà Phạm Thị Thanh T; có mặt.

Cùng cư trú tại: Khu vực A, thị trấn N, huyện P, tỉnh Bình Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Thành L; cư trú tại: Xóm T, khu vực A, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Thành L: Bà Nguyễn Thị T; cư trú tại: Xóm T, khu vực A, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định là người đại diện theo ủy quyền của ông L (Văn bản ủy quyền ngày 07/6/2017).

Người kháng cáo: Ông Lý Hiếu N là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/3/2017, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Ngày 10/4/2011 bà cho bà ông N, bà T vay 700.000.000 đồng, mục đích vay là để xoay vốn làm ăn, có viết giấy nợ nhưng chỉ có bà T ký còn ông N không ký, hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, hẹn 01 tháng sau sẽ trả cả gốc và lãi. Đến hẹn trả nợ, bà T xin gia hạn 02 lần nhưng chỉ trả cho bà 200.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi không trả. Sau đó, bà T trả 30.000.000 đồng tiền lãi.

Nay bà yêu cầu vợ chồng ông N, bà T phải trả cho bà 500.000.000 đồng tiền gốc. Còn tiền lãi bà tự nguyện trừ số tiền 30.000.000 đồng tiền lãi đã trả vào các tháng 5, 6, 7 năm 2011.

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị Thanh T trình bày:

Bà thống nhất như lời trình bày của bà T về số tiền vay, lãi suất là đúng nhưng thời gian vay bà không nhớ, không thỏa thuận thời hạn trả và mục đích vay là để bà cho vay lại lấy tiền chênh lệch, trả lãi cho bà T đến tháng 10/2011 âm lịch thì bị vỡ nợ; năm 2014, bà T đòi nợ nhiều lần nên bà xin trả tiền gốc cho bà T mỗi tháng 10.000.000 đồng và trả được 03 tháng 4, 8, 12/2014.

Nay bà thừa nhận còn nợ vợ chồng bà T 470.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tháng 11/2011 đến nay nhưng chỉ đồng ý trả tiền gốc, không đồng ý trả lãi và xin được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ; ông N không biết vay số tiền này.

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Lý Hiếu N trình bày:

Ông không có vay tiền của bà T, bà T (vợ ông) có vay tiền của bà T hay không, vay bao nhiêu ông không biết. Ông không chấp nhận cùng bà T trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh Long ủy quyền cho Bà Nguyễn Thị T trình bày:

Thống nhất như lời trình bày của bà Thìn (vợ ông).

Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 03/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện P quyết định:

Buộc vợ chồng ông N, bà T trả cho bà T, ông L 500.000.000 đồng;

Không chấp nhận yêu cầu của ông N trả nợ cho vợ chồng bà T;

Không chấp nhận nội dung phản bác của bà T trả 470.000.000 đồng;

Bác yêu cầu của bà T xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng;

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, trách nhiệm chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày14/8/2017, bị đơn Ông Lý Hiếu N kháng cáo không chấp nhận cùng bà T trả nợ cho vợ chồng bà T, vì ông không biết và không có sử dụng tiền bà T vay của vợ chồng bà T.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị không chấp nhận kháng cáo ông N giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Lý Hiếu N kháng cáo không chấp nhận cùng bà T trả nợ cho vợ chồng bà T, vì không có vay tiền, không biết và không có sử dụng tiền tiền vay của bà T nhưng vợ chồng bà T không chấp nhận mà cho rằng ông N biết sự việc này. Thấy rằng: Theo giấy nợ chỉ có bà T ký trong khi đó ông N cho rằng ông không có vay tiền, không biết và không có sử dụng tiền vay này; còn vợ chồng bà T không chấp nhận mà cho rằng ông N biết sự việc này nhưng không có chứng cứ chứng minh; như vậy, ông N không có tham gia xác lập hợp đồng vay tài sản giữa bà T với bà T nên ông N không phát sinh nghĩa vụ đối với hợp đồng vay tài sản nói trên. Án sơ thẩm, căn cứ lời khai của bà T buộc ông N phải có nghĩa vụ cùng bà T trả nợ cho bà T, ông L 500.000.000 đồng là không đúng. Do đó, chấp nhận kháng cáo ông N sửa bản án sơ thẩm chỉ buộc bà T phải có nghĩa vụ trả cho bà T, ông L 500.000.000 đồng.

[2] Các quyết định còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

[3] Do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 thì ông N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông N giữ nguyên bản án sơ thẩm là không phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 474, 476, 477 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Chấp nhận kháng cáo của Ông Lý Hiếu N sửa bản án sơ thẩm.

1. Buộc Bà Phạm Thị Thanh T phải có nghĩa vụ trả cho Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Thành L 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

2. Về án phí:

2.1. Bà Phạm Thị Thanh T phải chịu 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Bà Nguyễn Thị T được nhận lại tiền tạm ứng án phí án dân sự sơ thẩm đã nộp 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0001633 ngày 26/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

2.3. Ông Lý Hiếu N được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006555 ngày 14/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

3.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện P;
- CCTHADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

.

Lê Văn Thường